TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2025/HNGĐ - ST
Ngày: 28-11-2025
V/v: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4-NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Hồng Lĩnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Hương Thảo và bà Nguyễn Thị Hồng Thu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng-Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4-Nghệ An

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4-Nghệ An tham gia phiên toà: Bà Văn Thị Thu Hường-Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 11 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4-Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 209/2025/TLST- HNGĐ, ngày 21 tháng 10 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 185/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2025 giữa:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị D, sinh năm 1982; CCCD số: 040182026477, cấp ngày 09/8/2021 bởi Cục trưởng Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; nơi cư trú: Thôn T, xã Q, tỉnh Nghệ An (xã Q, huyện Q cũ). Địa chỉ hiện tại: Thôn C, xã Q, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

Bị đơn: Anh Trần Văn N, sinh năm 1980; CCCD số: 040080029185, cấp ngày 20/12/2021 bởi Cục trưởng Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; nơi cư trú: Thôn T, xã Q, tỉnh Nghệ An (xã Q, huyện Q cũ). Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 14/10/2025, quá trình tố tụng tại Tòa án và tại phiên Tòa nguyên đơn chị Lê Thị D khai:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị D và anh Trần Văn N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 20/11/2003 tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An nay là UBND xã Q, tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến tháng 7 năm 2025 vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính cách không hợp, vợ chồng bất đồng quan

điểm sống thường xuyên xảy ra cãi vã. Anh N thường xuyên uống rượu say và đánh đập, xúc phạm chị D. Chị D đã về nhà mẹ đẻ sinh sống từ tháng 8 năm 2025 đến nay. Trong thời gian ly thân không ai quan tâm chăm sóc ai. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn hôn nhân không đạt được nên chị D xin được ly hôn anh Trần Văn N.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Trần Thế T, sinh ngày 31/10/2004 và Trần Thị T1, sinh ngày 13/7/2013. Con chung Trần Thế T đã đủ 18 tuổi trưởng thành, chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con chung. Ly hôn chị D xin được nuôi con chung là Trần Thị T1 cho đến khi con đủ 18 tuổi trưởng thành, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay, chị D đang làm thuê cho nhà hàng ở xã Q cách nhà 4km, thu nhập mỗi tháng là 5.000.000 đồng nên đủ điều kiện và có thời gian để trực tiếp chăm sóc con chung.

Về tài sản chung: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 24/10/2025, quá trình tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa bị đơn ông Trần Văn N khai:

Về quan hệ hôn nhân: Anh N thống nhất về thời gian kết hôn, nơi đăng ký kết hôn như chị D trình bày là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, trong quá trình chung sống có những mâu thuẫn nhỏ trong gia đình như bao gia đình khác, mâu thuẫn không đáng kể, chưa đến mức trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, anh N có đánh vợ vài lần nhưng sau đó đã cố gắng thay đổi. Chị D đã không chung sống với anh N từ tháng 8 năm 2025 đến nay. Mặc dù không chung sống với nhau nhưng vợ chồng vẫn qua lại bình thường, chưa đến mức phải ly hôn. Tình cảm vợ chồng vẫn còn nên chị D yêu cầu ly hôn anh N không đồng ý, đề nghị vợ chồng đoàn tụ. Tại phiên tòa, anh N cho rằng nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn một phần do chị D không chung thủy.

Về con chung: Anh N thống nhất như lời trình bày của bà D về họ tên, ngày tháng năm sinh của con chung. Hiện nay con chung Trần Thị T1 đang ở với chị Lê Thị D. Anh N không đồng ý ly hôn nên không đồng ý giao con Trần Thị T1 cho chị D nuôi dưỡng mà đề nghị vợ chồng cùng nhau nuôi dạy con cái. Anh N không có ý kiến gì về cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung Trần Thế T đã đủ 18 tuổi nên anh N không yêu cầu giải quyết nuôi con chung.

Tại phiên tòa, anh N khai trường hợp ly hôn thì anh đồng ý giao con chung là Trần Thị T1 cho chị D nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về quan hệ tài sản: Anh N không ly hôn nên không có ý kiến về quan hệ tài sản.

- Tại đơn xin trình bày nguyện vọng, cháu Trần Thị T1 có nguyện vọng ở với mẹ.

- Xác minh tình trạng hôn nhân của chị D và anh N tại UBND xã Q: Ủy ban nhân dân xã Q không biết rõ nguyên nhân vợ chồng chị D và anh N mâu thuẫn vì không qua hòa giải cơ sở.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử: Thẩm phán, Thư ký tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc thu thập chứng cứ, lấy lời khai của đương sự, xác minh, tống đạt các văn bản tố tụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Điều 28, 35, 39, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí lệ phí tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lê Thị D được ly hôn anh Trần Văn N.

- Về con chung: Giao con chung Trần Thị T1, sinh ngày 13/7/2013 cho chị Lê Thị D trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh N vì chị D không yêu cầu. Anh N có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Đối với con Trần Thế T, sinh ngày 31/10/2004 đã đủ 18 tuổi nên không xem xét.

Về quan hệ tài sản: Không ai yêu cầu nên miễn xét.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Lê Thị D có đơn đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn với anh Trần Văn N, giải quyết về con chung, nên xác định đây là vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con". Anh Trần Văn N có nơi cư trú tại thôn T, xã Q, tỉnh Nghệ An (xã Q, huyện Q cũ). Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, được sửa đổi bổ sung tại luật số 85/2025/QH15; Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân. Vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Nghệ An.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị D và anh Trần Văn N kết hôn với nhau vào ngày 20/11/2003 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q nay là xã Q tỉnh Nghệ An tuân thủ đầy đủ các điều kiện kết hôn. Đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không tin tưởng nhau dẫn đến đánh đập, cãi vã nhau. Anh N cho rằng anh vẫn còn tình cảm với chị D và mong muốn được vợ chồng đoàn tụ. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy vợ chồng chị D anh N mâu thuẫn đã trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2025 đến nay không còn quan tâm đến nhau, cuộc sống chung không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình cho chị Lê Thị D được ly hôn anh Trần Văn N.

[3] Về giao quyền nuôi con chung: Vợ chồng chị D và anh N có 02 con chung là Trần Thế T, sinh ngày 31/10/2004 và Trần Thị T1, sinh ngày 13/7/2013. Co chung là Trần Thế T đã đủ 18 tuổi trưởng thành, chị D và anh N không yêu cầu giải quyết giao quyền nuôi con chung. Xét yêu cầu được giao quyền nuôi con chung là Trần Thị T1 của chị D. Hội đồng xét xử xét thấy từ trước đến nay con chung ở với chị D, chị D đủ điều kiện để nuôi dưỡng con chung. Anh N hiện nay làm nghề đi biển ở Hải Phòng, thời gian đi biển không ổn định, vài tháng anh mới về nhà nên thời gian gần gũi và quan tâm, chăm sóc con hạn chế. Do đó, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung, cần giao con Trần Thị T1 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng. Anh N cũng đồng ý với việc giao quyền nuôi con chung Trần Thị T1 cho chị D nuôi dưỡng. Điều này cũng phù hợp với nguyện vọng được ở với mẹ của cháu T1.

[4]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị D không yêu cầu anh N thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về quan hệ tài sản: Không ai yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2025 tại Luật số 85/2025/QH15 ngày 26/5/2025.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

- Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị D được ly hôn anh Trần Văn N. Giấy chứng nhận kết hôn số 041/2003 ngày 20/11/2003 tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An nay là xã Q, tỉnh Nghệ An hết giá trị pháp lý.

2. Về giao quyền nuôi con chung: Giao con chung Trần Thị T1, sinh ngày 13/7/2013 cho chị Trần Thị D1 tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi trưởng thành. Đối với con Trần Thế T, sinh ngày 31/10/2004 đã đủ 18 tuổi nên không xem xét. Anh Trần Văn N không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì không ai yêu cầu.

Anh Trần Văn N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về quan hệ tài sản: Không ai yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lê Thị D phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001606 ngày 20 tháng 10 năm 2025.

5. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND khu vực 4 – Nghệ An;
- Cơ quan THADS tỉnh Nghệ An;
- UBND xã QP
- Lưu HS;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Phạm Hồng Lĩnh